

Bản án số: 12/2024/HS-ST

Ngày 09 - 5 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Len

2. Ông Trần Anh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện như thanh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/TLST- HS ngày 20 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn H; sinh ngày 05 tháng 9 năm 1988 tại **thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.**

Nơi cư trú: **Khu phố B, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;**

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông **Lê Văn M** (đã chết) và bà **Ngô Thị L;**

Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị **Trần Thị Ngọc H1** và có 01 con, sinh năm 2023;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Năm 2005 **Lê Văn H** bị **Công an huyện N** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc (đã chấp hành xong).

+ Năm 2006 **Lê Văn H** bị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh xử phạt 12 tháng án treo về tội Trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong).

+ Năm 2007 **Lê Văn H** bị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc (đã chấp hành xong).

+ Năm 2009 **Lê Văn H** bị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh xử phạt 24 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ (đã chấp hành xong).

+ Năm 2013 **Lê Văn H** bị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong).

+ Năm 2018 **Lê Văn H** bị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh xử phạt 54 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản (đã chấp hành xong toàn bộ Bản án vào ngày 29/11/2021).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2024, chuyển tạm giam ngày 14/01/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh T** - Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Cao T; sinh ngày ngày 16 tháng 6 năm 2003 tại **thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**

Nơi cư trú: **Khu phố X, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông **Nguyễn Duy D** và bà **Nguyễn Thị T1**;

Bị cáo chưa có vợ;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2024, chuyển tạm giam ngày 14/01/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh T** - Có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Quốc H2; sinh ngày ngày 20 tháng 5 năm 1984 tại **thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**

Nơi cư trú: **Khu phố X, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông **Trần Văn H3** (đã chết) và bà **Trương Thị Q**;

Có vợ là **Ngô Ngọc H4** (Đã ly hôn) và 02 con;

Hiện nay bị cáo sống như vợ chồng với chị **Trần Tùng C**, nơi thường trú tại: **Huyện C, tỉnh Hậu Giang** (nhưng chưa đăng ký kết hôn); cả hai đã có với nhau 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2024, chuyển tạm giam ngày 14/01/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh T** - Có mặt tại phiên tòa.

* **Người chứng kiến:** Anh **Tạ Văn L1**, sinh năm 1980

Địa chỉ: **Khu phố X, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 ngày 10/01/2024 **Lê Văn H** đến chơi tại nhà trọ của **Trần Quốc H2**. Khi vào nhà **H2**, **Lê Văn H** gặp **Nguyễn Cao T**. Khi đó, vợ chồng

Trần Quốc H2 đang trong phòng ngủ. Trong lúc H và T ngồi chơi nói chuyện với nhau, H nảy sinh ý định sử dụng ma túy, nên bảo T đi tìm mua ma túy về cùng nhau sử dụng và T đồng ý. Quá trình nằm cùng vợ con trong phòng ngủ, Trần Quốc H2 nghe được cuộc nói chuyện giữa H và T. Vì không có xe, Nguyễn Cao T đã mượn xe máy của một khách hàng nữ đang gọi đầu tại quán B (cạnh nhà Trần Quốc H2) để đi tìm mua ma túy. Thương đến khu vực đoạn đường trước Trung tâm chính trị huyện N tìm, gặp và mua được 02 viên ma túy loại hồng phiến với giá 200.000 đồng từ một nam thanh niên lạ mặt. Trong khi đó, H tìm kiếm trong nhà H2 được các công cụ sử dụng ma túy, gồm: 01 ống nhựa màu xanh, được H uốn cong, quần nylon màu đen ở giữa, 01 ống kim loại có một đầu cong cắt nhọn, một đầu được gắn đoạn ống nhựa trong suốt và 01 chiếc bật lửa. Do chưa tìm được giấy bạc, H ghé vào cửa phòng ngủ của vợ chồng H2, hỏi H2 “giấy bạc của nhà để đâu, tôi chuẩn bị rồi ta làm tí”. H2 hiểu ý H đang chuẩn bị giấy bạc để mọi người sử dụng ma túy nên bảo H xuống bếp lấy 01 mảnh giấy bạc. Khi T quay về nhà H2 và mang theo 02 viên ma túy loại hồng phiến thì H cùng với T ngồi tại phòng khách nhà H2 để sử dụng ma túy. Thương cho 01 viên hồng phiến lên mảnh giấy bạc, dùng bật lửa đốt (khò) cho ma túy tan chảy và đưa lên cho H hút trước bằng các ống đã chuẩn bị. Đồng thời T tự đốt (khò) ma túy cho mình sử dụng. H và T hút qua hút lại được 02 lượt thì hết viên hồng phiến. Thương tiếp tục khò viên hồng phiến thứ 2. Lúc này, biết H, T đang sử dụng ma túy bên ngoài và vợ con đã ngủ, Trần Quốc H2 đi ra phòng khách, chủ động ngồi xuống để sử dụng trái phép chất ma túy cùng Lê Văn H và Nguyễn Cao T. Khi H2 ngồi xuống, T tiếp tục đốt ma túy cho cả 3 đối tượng cùng sử dụng hết viên hồng phiến thứ hai. Sau đó, T mang 02 mảnh giấy bạc vừa sử dụng để khò ma túy bỏ vào túi rác trước nhà. Ngay sau khi Lê Văn H, Nguyễn Cao T và Trần Quốc H2 vừa tổ chức sử dụng xong ma túy, đang ngồi tại phòng khách thì bị lực lượng Công an huyện N kiểm tra, phát hiện và thu giữ toàn bộ vật chứng của vụ án.

* Tại bản kết luận giám định số 164/KL-KTHS ngày 12/01/2024, Phòng K Công an tỉnh T kết luận:

- Chất bột màu hồng bám dính bên trong ống nhựa hình trụ của phong bì ký hiệu M1 niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Không xác định được khối lượng chất ma túy bám dính.
- Chất bột màu hồng bám dính bên trong ống kim loại của phong bì ký hiệu M1 niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Không xác định được khối lượng chất ma túy bám dính.
- Chất bột màu hồng bám dính trên mảnh giấy bạc của phong bì ký hiệu M1 niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Không xác định được khối lượng chất ma túy bám dính.
- Tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine trong chất bột màu đen bám dính trên 02 mảnh giấy bạc của phong bì ký hiệu M2 niêm phong gửi giám định. Không xác định được khối lượng chất ma túy.

* Tại bản kết luận giám định số 216/KL-KTHS ngày 16/01/2024, **Phòng K Công an tỉnh T** kết luận: Tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của **Lê Văn H**, **Nguyễn Cao T**, **Trần Quốc H2**.

Tại Cơ quan CSĐT, các bị cáo **Lê Văn H**, **Nguyễn Cao T** và **Trần Quốc H2** đã thành khẩn khai và thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật của mình.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được, **Công an huyện N**, tỉnh Thanh Hóa đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với các bị can: **Lê Văn H**, **Nguyễn Cao T** và **Trần Quốc H2** về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Quá trình điều tra xác định:

- **Nguyễn Cao T** khai báo mua ma túy của đối tượng không biết tên, địa chỉ. Cơ quan CSĐT **Công an huyện N** đã tiến hành các biện pháp nghiệp vụ, nhưng không xác định được đối tượng đã bán ma túy cho **Nguyễn Cao T**.

- Việc **Nguyễn Cao T** khai nhận đã mượn xe của người phụ nữ tại tiệm cắt tóc gọi đầu **Bông X** để đi mua ma túy, Quá trình điều tra, xác định người này không phải là khách quen hoặc người cùng khu phố, nên chủ quán không biết thông tin cá nhân. Do đó, Cơ quan CSĐT **Công an huyện N** không có cơ sở, căn cứ để xác minh, xử lý.

Về vật chứng của vụ án:

* Đối với 01 phong bì niêm phong các đồ vật sau khi giám định ma túy do **Phòng K Công an tỉnh T** phát và 01 chiếc bật lửa màu xanh nhãn hiệu H-VIET đã được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Thanh quản lý chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

* Đối với 03 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo, qua điều tra xác định không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật, nên cơ quan CSĐT **Công an huyện N** đã trả cho các chủ sở hữu theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 12/CT- VKS ngày 19/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo **Lê Văn H**, **Nguyễn Cao T**, **Trần Quốc H2** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ **Lê Văn H**: từ 08 năm đến 08 năm 03 tháng tù.

+ **Nguyễn Cao T**: từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

+ **Trần Quốc H2**: từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù.

- Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Về vật chứng, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật dụng các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội;

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo **Nguyễn Cao T**, **Trần Quốc H2** phải chịu án phí HSST; đề nghị miễn án phí HSST cho **Lê Văn H** theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

Nói lời sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện N**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân **huyện N** và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều được coi là đúng pháp luật.

[2] Tại phiên toà bị cáo **Lê Văn H**, **Nguyễn Cao T** và **Trần Quốc H2** đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời trình bày của các bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên toà. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/01/2024, tại phòng trọ của **Trần Quốc H2**; địa chỉ: **khu phố X, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. **Lê Văn H**, **Nguyễn Cao T** và **Trần Quốc H2** đã cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine. Hành vi của các bị cáo **Lê Văn H**, **Nguyễn Cao T** và **Trần Quốc H2** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh truy tố các bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn chính xác.

Điều 255 Bộ luật Hình sự quy định về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) ...;

b) Đối với 02 người trở lên;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự; biết rõ ma túy có tác hại nhiều mặt đến đời sống xã hội, người nghiện ma túy ngày càng ốm yếu, suy kiệt sức khỏe, tinh thần, đặc biệt việc nghiện và sử dụng bằng cách tiêm chích là một trong những nguyên nhân làm lây lan căn bệnh đại dịch HIV, AIDS và cũng là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác. Nhà nước đã có nhiều biện pháp tuyên truyền giáo dục nhằm ngăn chặn hoạt động liên quan đến tội phạm ma túy; bị cáo nhận thức rõ nhưng vẫn thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, làm hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần xử lý nhanh chóng kịp thời để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò thực hiện tội phạm, vụ án có nhiều đồng phạm cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự phân công vai trò hoặc bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức” mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, Lê Văn H là người khởi xướng; Nguyễn Cao T là người mua ma túy và trực tiếp giúp sức đưa ma túy vào cơ thể người khác. Vì vậy, vai trò tội phạm của hai bị cáo là ngang nhau và cao hơn Trần Quốc H2.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. **Đôi với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc cho Lê Văn H hưởng tình tiết giảm nhẹ “Bố bị cáo là người có công với cách mạng”, Hội đồng xét xử thấy rằng: Biên bản xác minh tại UBND thị trấn B (thể hiện UBND thị trấn đang làm thủ tục cho bố bị cáo hưởng chế độ người có công) không phải là tài liệu khoa học làm chứng cứ gốc do cơ quan của có thẩm quyền ban hành nên không được chấp nhận.**

[7] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Cao T, Trần Quốc H2 đều có nhân thân tốt, thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự, chưa lần nào bị cơ quan có thẩm quyền xử lý về hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo Lê Văn H không có nhân thân tốt; thể hiện: đã 5 lần bị kết án vì hành vi vi phạm pháp luật.

[8] Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo thành người lương thiện.

[9] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; riêng **Lê Văn H** còn thuộc diện hộ cận nghèo; bản thân các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn, không thể tự lao động kiếm tiền trong thời gian chấp hành án. Nếu áp dụng hình phạt bổ sung thì các bị cáo sẽ khó có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung. Nghĩ nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo là phù hợp.

[10] *Về phần vật chứng*: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự cần xử lý vật chứng của vụ án như sau:

- Các đồ vật là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 03 điện thoại di động, không liên quan đến vụ án; cơ quan CSĐT đã trả lại các tài sản đó cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

[11] *Về án phí*: Bị cáo **Nguyễn Cao T**, **Trần Quốc H2** thuộc trường hợp phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; **Lê Văn H** thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[12] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 331; 333; 336; 337 của bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo **Lê Văn H**, **Nguyễn Cao T**, **Trần Quốc H2** phạm tội “**Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy**”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 58; 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn H: 08 (tám) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (11/01/2024).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Cao T: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (11/01/2024).

Xử phạt bị cáo **Trần Quốc H2: 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 911/01/2024).

Về vật chứng: Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy các công cụ phạm tội, bao gồm: 01 ống nhựa hình trụ rỗng đã được uốn cong, tại vị trí uốn cong được bọc nilon màu đen.

- 03 mảnh giấy bạc không rõ hình dạng, bị nhàu.

- 03 chai nhựa hình trụ, nhãn hiệu Aquafina, chứa đựng nước tiểu của các đối tượng **Lê Văn H**, **Nguyễn Cao T** và **Trần Quốc H2**.

- 01 chiếc bật lửa màu xanh nhãn hiệu H-VIET.

Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Thanh quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số: 16/2024/TSTV ngày 28/3/2024 giữa Đại diện Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Thanh và Cán bộ Công an huyện N.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc Nguyễn Cao T, Trần Quốc H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho Lê Văn H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331; 333; 336; 337 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Như Thanh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Như Thanh;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS (để thi hành);
- Phòng giám đốc án TA tỉnh Thanh hoá
- Lưu hồ sơ vụ án .

Lê Đình Huy